TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 691/2025/HS-ST
Ngày: 30/9/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đặng Thị Huệ Tú

2/ Bà Phan Thanh Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại trại giam T30, Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 832/TLST-HS ngày 12/9/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5732/2025/QĐXXST-HS ngày 15/9/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Đ;** tên gọi khác: không; sinh ngày 14 tháng 4 năm 1982; tại tỉnh C; nơi thường trú: số nhà 109, ấp Tân P, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh C (nay là số nhà 109, ấp Tân P, xã Đầm D, tỉnh C); nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Mai Thị P; bị cáo có vợ (chưa đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/4/2025 (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đinh Đức M, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: 985/35/15b Lạc Long Q, Phường E, quận Tân B, (nay là 985/35/15b Lạc Long Q, Phường Tân H), Thành phố H.

2/ Bà Đinh Lan P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 15 Trần Trọng C, phường T, Quận S (nay là 15 Trần Trọng C,

phường T), Thành phố H.

3/ Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: 107/2A Nguyên H, Phường O, quận G, (nay là 107/2A Nguyên H, Phường Hạnh Th), Thành phố H.

4/ Bà Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ 10.09 chung cư Ngọc Đông D, phường A, quận BT, (nay là phường B), Thành phố H.

5/ Bà Vũ Lương Tố T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: căn hộ 15.02 Block B, chung cư HP, phường TP, Quận S, (nay là căn hộ 15.02 Block B, chung cư HP, phường M), Thành phố H.

6/ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: 703 Quốc lộ 22, thị trấn A, huyện X, (nay là 703 Quốc lộ 22, xã Y), Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Lê Cảnh N, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp 1, Đạo T, phường Đạo T, tỉnh Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006, Nguyễn Ngọc Đ tốt nghiệp Đại học Luật Thành Hồ Chí Minh và được tuyển dụng công tác tại Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D, tỉnh C. Năm 2012, Đ nghỉ việc và lên Thành phố H làm dịch vụ xin cấp phép thành lập "Phòng khám đa khoa" và xin cấp "Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh" cho các bác sĩ. Trong quá trình làm dịch vụ về ngành y, Đ biết các bác sĩ không đi thực tế tại các cơ sở y tế, bệnh viện nhưng muốn được cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thì phải có "Văn bản xác nhận" quá trình thực hành nên Đ móc nối với các đối tượng ngoài xã hội để làm giả Giấy xác nhận quá trình thực hành hoặc nhờ các Bệnh viện quen ký khống để bổ sung vào hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ nhằm mục đích thu lợi bất hợp pháp.

Từ năm 2013 đến năm 2015, Nguyễn Ngọc Đ mốc nối với đối tượng tên Z (theo Đ khai không xác định được nhân thân, lai lịch) để làm giả 06 Giấy xác nhận quá trình thực hành và một số tài liệu liên quan để Đ đưa vào hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho 04 bác sĩ (Đinh Đức M, Nguyễn Thanh D, Vũ Lương Tố T và Nguyễn Thị Quỳnh H), trong đó:

- Nguyễn Ngọc Đ đưa Giấy xác nhận quá trình thực hành số 127/GXNTH và Giấy xác nhận quá trình thực hành số 128/GXNTH cùng ghi ngày 07/01/2014 của Bệnh viện Quận F được làm giả vào hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Đinh Đức M tại Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 30/10/2014, Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số 002746/BRVT-CCHN cho bác sĩ Đinh Đức M. Ngày 19/3/2015, Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản đề nghị Bệnh viện Quận F xác nhận tính xác thực của 02 Giấy xác nhận quá trình thực hành này. Ngày 31/3/2015, Bệnh viện Quận Z trả lời không phát hành 02 Giấy xác nhận quá trình thực hành này. Ngày 06/5/2015, Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra Quyết định số 207/QĐ-SYT thu hồi Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số 002746/BRVT-CCHN đã cấp cho bác sĩ Đinh Đức M.

- Nguyễn Ngọc Đ đưa Giấy xác nhận quá trình thực hành số 20/GXNTH ngày 18/02/2014 và Thông báo chấm dứt hợp đồng số 15/TB-BVQ3 ngày 18/02/2014 của Bệnh viện Quận I được làm giả vào hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Nguyễn Thanh D tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, Đ sử dụng Giấy xác nhận quá trình thực hành số 23/GXNTH ngày 18/02/2014 và Thông báo chấm dứt hợp đồng số 13/TB-BVQ3 ngày 27/12/2013 của Bệnh viện Quận I được làm giả đưa vào hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Đinh Đức M tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai. Ngày 01/7/2014, Sở Y tế tỉnh Đồng Nai có văn bản đề nghị Bệnh viện Quận I xác nhận quá trình thực hành chuyên môn của 02 bác sĩ này. Ngày 08/7/2014, Bệnh viện Quận I trả lời không cấp Giấy xác nhận thực hành chuyên môn và Thông báo chấm dứt hợp đồng cho bác sĩ Nguyễn Thanh D và bác sĩ Đinh Đức M. Do đó, Sở Y tế tỉnh Đồng Nai không cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 02 bác sĩ này.

- Nguyễn Ngọc Đ đưa Giấy xác nhận quá trình thực hành số 99/GXNTH ngày 10/11/2014 của Bệnh viện Quận H được làm giả vào hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Vũ Lương Tố T tại Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 26/3/2015, Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản đề nghị Bệnh viện Quận H xác nhận tính xác thực của Giấy xác nhận quá trình thực hành này. Ngày 13/4/2015, Bệnh viện Quận H trả lời không phát hành Giấy xác nhận quá trình thực hành này. Ngày 05/5/2015, Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản trả lời không cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Thư, do Giấy xác nhận quá trình thực hành này là giả.

- Nguyễn Ngọc Đ đưa Giấy xác nhận quá trình thực hành số 203/GXNTH ngày 23/4/2015 của Bệnh viện Đa khoa V cấp cho bác sĩ Nguyễn Thị Quỳnh H và Quyết định số 27/QĐ-NKVH ngày 20/10/2013 của Bệnh viện Đa khoa V được

làm giả vào hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Nguyễn Thị Quỳnh H tại Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 07/5/2015, Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản đề nghị Bệnh viện Đa khoa V xác nhận tính xác thực của Giấy xác nhận quá trình thực hành này. Ngày 13/5/2015, Bệnh viện Đa khoa V trả lời Giấy xác nhận quá trình thực hành này là giả. Ngày 20/5/2015, Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản trả lời không cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ H, do Giấy xác nhận quá trình thực hành này là giả.

- Ngoài ra, Nguyễn Ngọc Đ đưa Giấy xác nhận quá trình thực hành số 101/GXNTH ngày 29/5/2014 của Bệnh viện Quận F được làm giả vào hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Đinh Lan P tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai. Qua xác minh, Bệnh viện Quận F không phát hành Giấy xác nhận quá trình thực hành này nên Sở Y tế tỉnh Đồng Nai không cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Đinh Lan P. Sau đó, Đ nhờ và được ông Đoàn Huỳnh A (cán bộ Thanh tra Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh) giới thiệu Đ đến Phòng khám Y để ký giấy xác nhận quá trình thực hành số 19/GXNTH ngày 29/9/2014 (bà Nguyễn Thị R - Giám đốc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Y ký) rồi nộp xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 05/11/2014, Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số 0026871/HCM- CCHN cho bác sĩ Đinh Lan P, nhưng bác sĩ P chưa sử dụng và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ khai: năm 2012, Đ lên Thành phố Hồ Chí Minh làm dịch vụ xin giấy phép các loại trong lĩnh vực y tế, rồi thành lập và điều hành Công ty TNHH TMDV A1 (thuê Võ Hồng Q làm người đại diện theo pháp luật và đặt trụ sở Công ty tại nhà Đ đang thuê địa chỉ 75/20 Nguyễn C, Phường W, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh). Trong quá trình làm dịch vụ xin cấp giấy phép các loại trong lĩnh vực ngành y, Đ có quen biết với đối tượng tên Z (không rõ nhân thân lai lịch). Z có mối quan hệ rộng trong ngành y tế và các bệnh viện nên có thể nhờ ký khống các hợp đồng lao động và xác nhận thời gian thực hành cho bác sĩ với chi phí 20.000.000 đồng/lần. Đ biết các bác sĩ nêu trên không đi thực tế tại các cơ sở y tế, bệnh viện nhưng muốn được cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nên Đ nhận làm giúp nhưng không cho các bác sĩ này biết Đ làm bằng cách nào. Theo thoả thuận chi phí sẽ từ 20.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, đặt cọc trước một phần tiền và giao hồ sơ để xin cấp chứng chỉ, sau khi nhận được chứng chỉ sẽ thanh toán phần còn lại. Việc giao nhận tiền chủ yếu trực tiếp bằng tiền mặt. Đ đã nhận tiền của 04 bác sĩ nêu trên với tổng số tiền là 190.000.000 và đã đưa cho Z 60.000.000 đồng để Z làm Giấy xác nhận quá trình thực hành cho Đ để đưa vào hồ sơ nộp tại các Sở Y tế như trên. Do không làm được hoặc làm được Chứng

chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ nhưng bác sĩ không sử dụng được nên Đ đã trả lại tiền cho các bác sĩ. Đ thừa nhận đã làm giả 06 Giấy xác nhận quá trình thực hành và 02 Thông báo nêu trên, đồng thời khẳng định các bác sĩ hoàn toàn không biết việc Đ làm giả các tài liệu này để bổ sung vào hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Đinh Đức M khai: từ năm 2013 đến năm 2014, M không có thực hành tại Bệnh viện Quận I và Bệnh viện Quận F. Khoảng tháng 7/2014, M biết Nguyễn Ngọc Đ chuyên làm dịch vụ chứng chỉ hành nghề cho bác sĩ nên nhờ Đ giúp đỡ. Sau khi Đ đồng ý, Minh hỏi Đ làm như vậy có sai phạm pháp luật gì không thì Đ trả lời là không sai, sai thì đâu có làm nên M tin tưởng đưa cho Đ hồ sơ và số tiền 50.000.000 đồng, sau đó Đ làm như thế nào thì M hoàn toàn không biết. Đến khoảng cuối tháng 10/2014, Đ yêu cầu M đến nhà của Đ (địa chỉ 75/20 Nguyễn C, Phường W , quận K) để nhận chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, khi đó Minh mới biết chứng chỉ này do Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, sau đó khoảng 01 tuần thì M đưa cho Đ số tiền 30.000.000 đồng như thoả thuận, sau đó Đ trả lại cho M số tiền 80.000.000 đồng. M chưa sử dụng chứng chỉ thì đã giao nộp cho Cơ quan điều tra (tháng 12/2014). M không biết ai là người làm giấy xác nhận quá trình thực hành cho M, không biết tài liệu này là giả và không biết ai là người đi nộp hồ sơ. M khẳng định: M không nhờ Đ làm giả chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hay nhờ Đ làm giả bất kỳ tài liệu gì khác, sở dĩ M nhờ Đ làm chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh là do tin tưởng những gì Đ nói là đúng sự thật.

Nguyễn Thanh D khai: từ năm 2012 đến năm 2014, D không có thực hành tại Bệnh viện Quận I. Năm 2013, D có nhờ Nguyễn Ngọc Đ làm hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Đ nói chi phí làm hồ sơ là 60.000.000 đồng. D đồng ý rồi đưa trước cho Đ số tiền 30.000.000 đồng và hồ sơ theo yêu cầu, Đ nói sẽ làm các thủ tục còn lại, khi nào xong thì gọi đến nhận. Sau đó, Đ cho D biết Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh không làm được nên nói sẽ xin ở Sở Y tế tỉnh Đồng Nai và D đồng ý để Đ làm nhưng Đ vẫn không làm được nên D đề nghị Đ không làm nữa và trả lại hồ sơ, sau đó Đ đã trả lại hồ sơ cho D và số tiền 30.000.000 đồng. D không biết Đ hay ai là người làm Giấy xác nhận quá trình thực hành cho D và không biết ai là người nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho D tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.

Vũ Lương Tố T khai: từ năm 2011 đến năm 2014, T không có thực hành tại Bệnh viện Quận F. Khoảng tháng 3/2014, T nhờ Đ giúp làm chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Đ nói chi phí để làm là 30.000.000 đồng và T đồng ý. Sau đó, T đưa tài liệu theo yêu cầu của Đ và nhờ Đ làm Giấy xác nhận quá trình thực hành. Sau khi hồ sơ đầy đủ, T đưa cho Đ số tiền 10.000.000 đồng và mang hồ sơ

được dán kín đến nộp tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai theo hướng dẫn của Đ. Khoảng tháng 5/2014, Đ cho T biết hồ sơ nộp tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai không được giải quyết nên yêu cầu T cung cấp hồ sơ mới (không có Giấy xác nhận quá trình thực hành), Đ nói khi nào T được nhận chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thì sẽ lấy số tiền còn lại. Khoảng cuối năm 2015, do không giúp được T nên Đ trả lại số tiền 10.000.000 đồng. T không biết ai là người làm Giấy xác nhận quá trình thực hành cho mình. T không đi nộp hồ tại Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và không nhờ Đ làm giả Giấy xác nhận quá trình thực hành để hợp thức hoá hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Nguyễn Thị Quỳnh H khai: từ năm 2013 đến năm 2015, H không có thực hành tại Bệnh viện Đa khoa V. Khoảng tháng 3/2015, L (đồng nghiệp của H) cho H biết là Nguyễn Ngọc Đ có thể xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với chi phí là 40.000.000 đồng và chi phí sẽ đưa sau khi làm xong. Sau khi H đồng ý, L yêu cầu H chuẩn bị hồ sơ, còn Giấy xác nhận quá trình thực hành của Bệnh viện thì L nói để Đ nhờ Bệnh viện nào đó ký. Khoảng giữa tháng 4/2015, H đưa hồ sơ cho L, sau đó L và Đ làm như thế nào thì H hoàn toàn không biết. H hoàn toàn không biết ai là người làm Giấy xác nhận quá trình thực hành cho mình. H chưa từng nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hoàn toàn không biết ai là người đi nộp hồ sơ này. Do chưa nhận được chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nên H chưa đưa cho Đ bất kỳ số tiền nào.

Đinh Lan P khai: từ năm 2008 đến năm 2014, P không có thực hành tại Bệnh viện Quận F và Công ty TNHH Phòng khám Đa Khoa Y (tại huyện X). Năm 2014, do hoàn cảnh khó khăn nên P nhờ Nguyễn Ngọc Đ giúp P làm chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Sau khi đồng ý, Đ yêu cầu P cung cấp các tài liệu có liên quan, do không có Giấy xác nhận quá trình thực hành nên P nhờ Đ làm, sau đó Đ làm như thế nào thì P hoàn toàn không biết. Khoảng cuối tháng 9/2014, P có đi cùng với Đ đến Công ty TNHH Phòng khám Đa Khoa Y để ký Hợp đồng lao động. Đến tháng 11/2014, Đ đưa cho P chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh do Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp và nhận của P số tiền 70.000.000 đồng như thoả thuận nhưng sau đó Đ trả lại. Sau khi được cấp, P chưa sử dụng và đã giao nộp cho Cơ quan Công an (tháng 3/2015). P hoàn toàn không biết ai là người làm Giấy xác nhận quá trình thực hành và đi nộp hồ sơ cho mình. P không nhờ Đ làm giả Giấy xác nhận quá trình thực hành để hợp thức hoá hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; nếu biết Đ làm giả thì P đã không nhờ.

Võ Hồng Q khai: Q quen biết Nguyễn Ngọc Đ tại phòng khám Đa khoa PS (tại TĐ), rồi Đ kêu Q về hỗ trợ công việc cho Đ (đi giao nhận các giấy tờ theo chỉ

đạo của Đ), mỗi tháng Đ trả lương cho Q 7.000.000 đồng. Sau khi làm được khoảng hơn 01 tháng thì Đ kêu Q về ở chung tại 75/20 Nguyễn C, Phường W, Quận K, Thành phố H và nhờ Q đứng tên Công ty A. Sau khi làm được khoảng 03 tháng thì Đ nợ lương hoặc trả lương cho Q khoảng 3.000.000 đồng/tháng và Q nhận thấy Đ có dấu hiệu gian dối nhiều bác sĩ (không đưa giấy tờ cho bác sĩ như thoả thuận và trốn tránh trách nhiệm) nên Q chủ động nghỉ việc và dọn đi từ giữa năm 2015.

Đoàn Huỳnh A khai: ông Huỳnh A công tác tại Thanh tra Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến nay. Ông Huỳnh A biết Nguyễn Ngọc Đ từ giữa năm 2013 khi Đ đến nộp hồ sơ đóng phạt cho cơ sở khám chữa bệnh vi phạm. Sau đó, ông Huỳnh A và Đ có uống cà phê và đi ăn uống cùng với một vài anh em trong cơ quan. Khoảng cuối tháng 9/2014, ông Huỳnh A giới thiệu Đ cho bà Nguyễn Thị R - Giám đốc Công ty TNHH Phòng khám Đa Khoa Y để nhờ giúp đỡ, ông Huỳnh A cho Đ số điện thoại của bà Re để Đ chủ động liên hệ. Sau khi ông Huỳnh A biết Đ không trung thực trong việc làm giấy xác nhận hành nghề cho bác sĩ Đinh Lan P thì ông Huỳnh A không còn tiếp xúc, liên hệ với Đ nữa. Ông Huỳnh A khẳng định ông không giúp đỡ Đ bất kỳ việc gì, không nhận tiền của Đ, không có lợi ích gì trong việc gặp gỡ, tiếp xúc với Đ, đồng thời không có mối quan hệ gì với bác sĩ P.

Nguyễn Thị R khai: khoảng tháng 10/2014, ông Huỳnh A có đến Phòng khám Đa Khoa Y và nhờ bà Re ký dùm hồ sơ cho bác sĩ Đinh Lan P, do chỗ quen biết nên bà Re đồng ý. Sau đó vài ngày thì có một người thanh niên (không rõ họ tên) đến đưa hồ sơ của bác sĩ P cho nhân viên của bà Re và bà Re đã ký Hợp đồng lao động và Giấy xác nhận quá trình thực hành cho bác sĩ P như trên. Bà Re xác nhận bác sĩ P không có làm việc tại Công ty TNHH Phòng khám Đa Khoa Y.

* Kết quả trưng cầu giám định:

- Kết luận giám định số 125/KLGĐ-TT ngày 28/12/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: hình dấu, chữ ký trên 06 giấy xác nhận quá trình thực hành, 02 thông báo chấm dứt hợp đồng và 01 quyết định tiếp nhận, phân công người hướng dẫn thực hành là giả.

- Kết luận giám định số 5066/KL-KTHS ngày 15/4/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chữ ký, chữ viết của Nguyễn Ngọc Đ trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra, viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 418/CT-VKS-P3 ngày 24/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra, đánh giá toàn bộ lời khai của bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú, đã trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gia đình bị cáo có công cách mạng, bị cáo nhận nhiều giấy khen của cơ quan, tổ chức, từ đó đề nghị:

Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 3 đến 4 năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ năm 2013, trong thời gian Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực. Tuy nhiên, Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt thấp hơn tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu trên. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định…có đủ cơ sở xác định:

Từ năm 2013 đến năm 2015, Nguyễn Ngọc Đ mốc nối với đối tượng tên Z (theo Đ khai không xác định được nhân thân, lai lịch) để làm giả 06 Giấy xác nhận quá trình thực hành và một số tài liệu liên quan để Đ đưa vào hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho 04 bác sĩ (Đinh Đức M, Nguyễn Thanh D, Vũ Lương Tố T và Nguyễn Thị Quỳnh H), đưa Giấy xác nhận quá trình thực hành số 101/GXNTH ngày 29/5/2014 của Bệnh viện Quận F được làm giả vào hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ Đinh Lan P tại Sở Y tế tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích thu lợi bất hợp pháp với tổng số tiền là 190.000.000 đồng. Tuy nhiên, do không làm được hoặc làm được Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ nhưng bác sĩ không sử dụng được nên Đ đã trả lại tiền cho các bác sĩ.

Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" thuộc trường hợp "*Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên*", "*Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính; xâm phạm đến hoạt động bình thường và uy tín của

các tổ chức y tế; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, Do đó, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật để để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Ngọc Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi bị truy nã đã ra đầu thú, gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha mẹ bị cáo tham gia cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến, bị cáo và gia đình tham gia công tác an sinh xã hội tại địa phương, bị cáo đã trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với số tiền 190.000.000 đồng bị cáo thu lợi từ hành vi phạm tội đã trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không tuyên buộc bị cáo nộp lại.

[4] Đối với các vấn đề khác:

Đối với Đinh Đức M và Đinh Lan P: các bác sĩ này biết rõ bản thân chưa đủ điều kiện để được xác nhận thời gian thực hành tại cơ sở thực hành chuyên môn theo quy định nhưng vẫn đưa hồ sơ và tiền cho Nguyễn Ngọc Đ để nhờ Đ làm Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Mặc dù, không biết Giấy xác nhận quá trình thực hành cấp cho mình là giả, không biết ai là người làm và đi nộp hồ sơ nhưng các bác sĩ này đã được cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Do đó, hành vi của các bác sĩ này có dấu hiệu của tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", nhưng đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự là có cơ sở.

Đối với các bác sĩ Nguyễn Thanh D, Vũ Lương Tố T và Nguyễn Thị Quỳnh H: Mặc dù các bác sĩ này biết rõ bản thân chưa đủ điều kiện để được xác nhận thời gian thực hành tại cơ sở thực hành chuyên môn theo quy định nhưng vẫn đưa hồ sơ hoặc đưa tiền cho Nguyễn Ngọc Đ để nhờ Đ làm Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Do bị phát hiện Giấy xác nhận quá trình thực hành là giả nên các bác sĩ này chưa được cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nên hành vi của các bác sĩ này chưa cấu thành tội phạm nên cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự là có cơ sở.

Đối với bà Nguyễn Thị R: mặc dù bà R biết bác sĩ Đinh Lan P không có làm việc tại Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Y nhưng bà R vẫn ký Giấy xác nhận quá trình thực hành khống cho bác sĩ P để bác sĩ P được Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Do đó, hành vi

của bà R đã cấu thành tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tuy nhiên, do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự là có cơ sở.

Đối với đối tượng tên Z làm giả các giấy xác nhận và tài liệu nêu trên. Qua điều tra, chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên cơ quan cảnh sát điều tra sẽ xác minh, xem xét xử lý sau là có cơ sở.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2025.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (6)
- PV06-CA TP. HCM; (1)
-UBND xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (26) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên